TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2024/DS-ST Ngày: 13/9/2024 *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê;
2. Ông Trương Hữu Vinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Bà Bạch Mai Anh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 31/01/2024 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1965, bà Đào Lan H, sinh năm 1970 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người dại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy H1 (văn bản uỷ quyền ngày 24/01/2024) – có mặt.

Địa chỉ: Số D H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1972, bà Phan Thị Kim H2, sinh năm 1979 – có đơn xin xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Huy H1 trình bày:

Vào ngày 29/12/2023, ông Hoàng Văn T, Đào Lan H cho vợ chồng ông Hoàng Văn S và bà Phan Thị Kim H2 vay số tiền là 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay của ông T, bà H thì ông S, bà H2 đã nộp tiền vào ngân hàng để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để thực hiện việc giao đất theo thỏa thuận tại Cơ quan chi cục thi hành án huyện

Krông Búk. Tuy nhiên, sau khi rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Hoàng Văn S và bà Phan Thị Kim H2 không trả nợ cho ông T, bà H và không giao đất cho ông T, bà H. Ông T, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà H2 trả nợ nhưng ông S và bà H2 cố tình chây ì, không thiện chí trả.

Vì vậy, ông T, bà H làm đơn khởi kiện ông Hoàng Văn S và bà Phan Thị Kim H2 ra Tòa án nhân dân huyện Krông Búk để yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn S và bà Phan Thị Kim H2 trả cho ông T, bà H số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 25/01/2014.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 trình bày:

Vào ngày 29/12/2023, vợ chồng ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 có nhờ vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H bỏ vào Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng để lấy bìa đỏ ra. Tuy nhiên khi lấy bìa đỏ ra vợ chồng ông S, bà H2 gặp hoàn cảnh khó khăn nên không trả được tiền cho ông T, bà H. Khi đó hai bên không thoả thuận lãi và thời hạn trả nợ. Nay vợ chồng ông T, bà H khởi kiện ra Toà án, ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS; đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS

Về nội dung vụ án: Vào ngày 29/12/2023 ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H có cho ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay mượn tiền các bên có ký giấy cam kết việc giao nhận tiền để ông S, bà H2 rút bìa đỏ tại Ngân hàng ra. Ông T, bà H đã giao tiền cho ông S, bà H2, tuy nhiên ông S, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H, buộc bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải trả cho ông T, bà H2 số tiền nợ gốc 150.000.000 và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông S, bà H2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tranh

chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo Giấy cam kết ngày 29/12/2023 thể hiện nội dung ông S, bà H2 có vay của ông T, bà H số tiền 150.000.000 đồng; mục đích vay để trả nợ ngân hàng. Theo yêu cầu của ông T, bà H, Toà án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết ông S, bà H2 trong Giấy cam kết ngày 29/12/2023. Tại Kết luận giám định số 1024/KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chữ ký, chữ viết Hoàng Văn S, Phan Thị Kim H2 dưới mục "Người vay Ký" trên Giấy cam kết ngày 29/12/2023 là do ông S, bà H2 ký và viết ra.

Tại Bản tự khai ngày 04/9/2024, ông S, bà H2 thừa nhận có vay của ông T, bà H số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng theo đúng như Giấy cam kết ngày 29/12/2023 đã ký giữa hai bên, do điều kiện khó khăn nên đến nay chưa trả được nợ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H, buộc ông S, bà H2 phải trả cho ông T, bà H số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Về yêu cầu trả lãi, Giấy cam kết ngày 29/12/2023 không thể hiện thời hạn vay và lãi suất; tuy nhiên, qua lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tính lãi suất kể từ ngày nhận đơn khởi kiện ngày 25/01/2024 đến ngày xét xử ngày 13/9/2024, xác định lãi được tính cụ thể như sau:

150.000.0000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 19 ngày (tính từ ngày khởi kiện ngày 25/01/2024 đến ngày xét xử ngày 13/9/2024) = 9.542.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải trả cho ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H tính đến ngày xét xử ngày 13/9/2024 là: 150.000.0000 đồng + 9.542.000 đồng = 159.542.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết số tiền 7.500.000 đồng, ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong. Hoàn trả cho ông T, bà H số tiền 7.500.000 đồng chi phí Trưng cầu giám định ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải chịu trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.977.000 đồng. Do bị đơn ông S, bà H2 thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông S, bà H2; hoàn trả cho nguyên đơn ông T, bà H số tiền 3.817.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H tổng số tiền 159.542.000 đồng *(Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*; Trong đó: Nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi là 9.542.000 đồng *(lãi suất 10%/năm, tính từ ngày khởi kiện ngày 25/01/2024 đến ngày xét xử ngày 13/9/2024)*.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết số tiền 7.500.000 đồng, ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong. Hoàn trả cho ông T, bà H số tiền 7.500.000 đồng chi phí Trưng cầu giám định ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 phải chịu trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng Văn S, bà Phan Thị Kim H2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn T, bà Đào Lan H số tiền 3.817.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0004342 ngày 26/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Anh Thái